

Bản án số: 157/2024/HS-ST

Ngày 03-12-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Nguyễn Viết Cường, Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Trúc Lâm

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công Khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 156/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. LÊ QUANG T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 11 năm 2000, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 89, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện tại: K181 Nguyễn Như Hạnh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: **Thiên chúa giáo**; Con ông Lê Quang B (đã chết) và bà Bùi Thị L (sinh năm 1965); Bị cáo là con thứ 04 (bốn) trong gia đình có 04 (bốn) người con; Có vợ là Trần Phước Thị Bích H (sinh năm 1998); Có 01 (một) con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

+ Ngày 15/5/2019, bị Công an phường Hòa Khê, quận Thanh Khê xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC;

+ Ngày 04/11/2019, bị Công an quận Thanh Khê xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 453/QĐ-XPHC;

+ Ngày 03/7/2023, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82/QĐ-XPHC;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

2. TRẦN PHƯỚC THỊ BÍCH H, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1998, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 14, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện tại: K181 Nguyễn Như Hạnh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Phước T (Đã chết) và bà Lê Thị Bích P (sinh năm 1966); Bị cáo là con thứ 03 (ba) trong gia đình có 03 (ba) người con; Bị cáo có chồng là Lê Quang T (sinh năm 2000); Có 01 (một) con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

+ Ngày 27/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 (sáu) tháng 07 (bảy) ngày tù về tội “*Không tố giác tội phạm*” theo Bản án số 31/HSST.

+ Ngày 03/7/2023, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 83/QĐ-XPHC;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

3. TRẦN ANH Q, tên gọi khác: không; Sinh ngày 17 tháng 8 năm 2002, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 35, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện tại: K40/1 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Trọng T (sinh năm 1975) và bà Nguyễn Thị Bích N (sinh năm 1982); Bị cáo là con thứ 01 (một) trong gia đình có 02 (hai) người con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 03/7/2023, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-XPHC;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

4. CAO HỮU Đ, tên gọi khác: không; Sinh ngày 14 tháng 12 năm 1998, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 82, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện tại: K60/H61/46 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Cao Hữu T (sinh năm 1979) và bà Huỳnh Thị Mỹ N (sinh năm 1980); Bị cáo là con duy nhất trong nhà; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/6/2023, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma

túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 76/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

5. LÊ VĂN K, tên gọi khác: không; Sinh ngày 17 tháng 12 năm 2001, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 51, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở hiện tại: Tổ 51, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn D (sinh năm 1966) và bà Phan Thu N (sinh năm 1968); Bị cáo là con thứ 01 (một) trong gia đình có 02 (hai) người con. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 29/6/2023, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 77/QĐ-XPHC;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H: Bà Dương Kim H - Luật sư Văn phòng luật sư Kim Huệ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*

Người bào chữa cho bị cáo Trần Anh Q: Bà Trần Thị Thảo U - Luật sư Văn phòng luật sư Lê Văn Anh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Minh C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 569 Nguyễn Tất Thành, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*.

- Bà Ngô Thị Cẩm T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 569 Nguyễn Tất Thành, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*.

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố Hàm Hạ, thị trấn Rừng T, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. *(Vắng mặt)*.

- Bà Đào Thị Ngọc L, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 02, xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. *(Vắng mặt)*.

- Bà Phan Thị Huyền T, sinh năm 2002; địa chỉ: K20/H11/5 Hoàng Hoa Thám, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 27/06/2023, Lê Quang T dùng điện thoại liên lạc với Trần Anh Q, Cao Hữu Đ và Lê Văn K rủ đến tập trung tại nhà vợ của T là Trần Phước Thị Bích H để cùng nhau đi sử dụng ma túy thì Q, Đ, K đồng ý. Sau đó, Q, Đ, K đi đến nhà H và T tại K181 đường Nguyễn Như Hạnh, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, T nói Đ đặt xe grab để cả nhóm cùng đi đến karaoke Paradise số 569 đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Đà Nẵng chơi và sử dụng ma túy, Q nhận việc mua 03 viên ma túy thuốc lắc và nửa hộp ma túy Ky để lên quán karaoke sử dụng thì cả nhóm đồng ý. Đến nơi, Q vào gặp Ngô Thị Cẩm T là nhân viên của quán karaoke Paradise để liên hệ thuê phòng và được T dẫn cả nhóm lên phòng 302. Lúc này, Q liên lạc cho một thanh niên tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 03 (ba) viên thuốc lắc và 2,5 (hai phẩy năm) gam Ky, L đồng ý bán với giá 3.900.000 đồng (Ba triệu, chín trăm ngàn đồng) và yêu cầu Q chuyển tiền qua số tài khoản 0936125911 của Ngân hàng MBbank. Do không có tiền trong tài khoản nên Q hỏi ai có tiền chuyển qua tài khoản cho Q 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng) để mua ma túy, cả nhóm thống nhất H chuyển tiền cho Q trước, sau khi sử dụng ma túy xong thì mọi người cùng góp tiền để trả tiền mua ma túy và karaoke. H chuyển khoản 4.500.000 đồng cho Q, sau đó Q tiếp tục chuyển khoản 3.900.000 đồng tiền mua ma túy cho L qua số tài khoản 0936125911 Ngân hàng MBbank. Khoảng 30 phút sau có một thanh niên khác sử dụng số điện thoại 0764988497 gọi cho Q yêu cầu ra trước quán karaoke để nhận ma túy. Q ra ngoài nhận ma túy rồi đi vào, đến hành lang tầng ba, Q nhặt một thẻ nhựa màu xanh (loại thẻ chứa sim) mang vào phòng. Q lấy ma túy thuốc lắc để trên bàn, cả nhóm cùng lấy sử dụng, Q đổ ma túy Ky ra đĩa sứ có sẵn trong phòng, dùng thẻ nhựa chà mịn, kẻ thành nhiều đường, T đưa cho Q tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng) để Q quán thành ống hút. Sau đó, T, Q, K cùng sử dụng ma túy Ky trước, H và Đ dùng điện thoại kết nối Bluetooth với loa trong phòng để mở nhạc cho cả nhóm cùng nghe. Trong lúc sử dụng ma túy, Q có nói với H là Q mua ma túy hết 3.900.000 đồng (Ba triệu, chín trăm ngàn đồng), còn thừa 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) Q sẽ trả sau, H đồng ý. Đến 15 giờ cùng ngày, khi cả nhóm đang cùng nhau sử dụng ma túy và nghe nhạc thì Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra, bắt quả tang đối với Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H và Trần Anh Q về hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thu giữ: Chất bột màu trắng được trích ra từ đĩa sứ màu trắng cho vào bao nilon kích thước khoảng (4x7) cm; 01 (một) gói nilong kích thước khoảng (3x4)cm bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; thẻ nhựa cứng chứa sim điện thoại màu xanh đều có chất bám dính màu trắng.

Tiến hành kiểm tra điện thoại của Lê Quang T phát hiện nội dung liên quan đến vụ việc: T dùng tài khoản Messenger gọi điện cho Lê Văn K và Trần Anh Q

tập trung tại nhà vợ của T là H để cùng nhau đi sử dụng ma túy tại Karaoke Paradise.

Qua thử nước tiểu, Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Lê Văn K, Cao Hữu Đ dương tính với chất ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tiến hành khởi tố và bắt bị can để tạm giam đối với Cao Hữu Đ và Lê Văn K.

Tiến hành thu giữ thư tín, điện tín đối với số thuê bao 0936125911 và 0764988497, xác định anh Phạm Văn H là chủ thuê bao 0936125911 và chị Đào Thị Ngọc L là chủ thuê bao 0764988497. Qua kết quả ủy thác điều tra, anh Phạm Văn H khai nhận không đứng tên số thuê bao nêu trên, không cho ai mượn giấy tờ để đăng ký số thuê bao, không dùng số điện thoại 0936125911 để đăng ký tài khoản tại Ngân hàng MBbank và cũng không biết, không liên lạc với Trần Anh Q. Hiện nay, chị Đào Thị Ngọc L đã đi khỏi Thôn 2, xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, không rõ ở đâu, làm gì.

Tiến hành xác minh nhân thân lai lịch của chủ tài khoản 0936125911 thuộc Ngân hàng MBbank mà Trần Anh Q đã chuyển khoản để mua ma túy xác định: Chủ tài khoản 0936125911 thuộc Ngân hàng MBbank là bà Phan Thị Huyền T. Ngày 27/6/2023, tài khoản 0936125911 có nhận chuyển khoản số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm ngàn đồng) từ tài khoản 9935678708 thuộc Ngân hàng Vietcombank của Trần Anh Q. Bà T khai nhận từng có quan hệ tình cảm với đối tượng tên L (quen biết qua mạng xã hội nên bà T không rõ nhân thân, lai lịch của L); vì tin tưởng nên bà T cho L mượn tài khoản 0936125911 thuộc Ngân hàng MBbank của bà để sử dụng. Bà T không biết L dùng tài khoản của bà để giao dịch mua, bán ma túy. Ngày 27/6/2023, bà T không biết có số tiền 3.900.000 đồng do Trần Anh Q chuyển vào tài khoản của bà. Bà T không biết Trần Anh Q và không sử dụng, bán hay giúp ai bán ma túy. Tiến hành kiểm tra điện thoại di động của bà T không phát hiện nội dung gì liên quan đến vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành thử test nước tiểu, bà Phan Thị Huyền T âm tính với chất ma túy.

* Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã thu giữ vật chứng:

- Mẫu vật ma túy hoàn trả sau giám định trong 03 (ba) bì thư số 574/KL-KTHS ngày 05/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, gồm: Chất bột màu trắng được trích ra từ đĩa sứ màu trắng cho vào bao nilong kích thước khoảng (4x7) cm, được niêm phong, ký hiệu A; 01 (một) gói nilong kích thước khoảng (3x4)cm bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, được niêm phong, ký hiệu B; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, thẻ nhựa cứng chứa sim điện thoại màu xanh đều có chất bám dính màu trắng, được niêm phong, ký hiệu C;

- 01 (Một) điện thoại Iphone màu vàng; Số imel: 356703854611026; Sim số: 0937417015 của bị cáo Cao Hữu Đ;
- 01 (Một) điện thoại Iphone màu trắng; Số imel: 350408489688128; Sim số: 0937434843 của bị cáo Lê Quang T;
- 01 (Một) điện thoại Iphone màu trắng; Số imel: 353904103454670; Sim số: 0787725715 của bị cáo Trần Anh Q;
- 01 (Một) điện thoại Iphone màu đen; Số imel: 353900103936476; Sim số: 0935239343 của bị cáo Trần Phước Thị Bích H;
- 01 (Một) điện thoại Oppo màu xanh; số imel: 866967042765134; Sim số: 0917539744 của bị cáo Lê Văn K;
- 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) của bị cáo Lê Quang T;
- 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Trần Phước Thị Bích H.
- 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng) của bà Phan Thị Huyền T.

(Vật chứng hiện đang được Chi cục Thi hành dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tạm thời quản lý).

* Tại Bản kết luận giám định số: 574/KL-KTHS ngày 05/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng được trích ra từ đĩa sứ màu trắng; Chất bám dính trên tờ tiền mệnh giá 10.000đ (Mười ngàn đồng) và 01 (một) thẻ nhựa cứng chứa sim điện thoại màu xanh trong gói niêm phong ký hiệu A, C gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; Khối lượng mẫu A: 0,237 (Không phải hai trăm ba mươi bảy) gam, mẫu ký hiệu C: 0,002 (Không phải không trăm lẻ hai) gam;

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu B gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; Khối lượng mẫu B: 1,013 (Một phẩy không trăm mười ba) gam;

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 06 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đã truy tố các bị cáo: Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Cao Hữu Đ, Lê Văn K về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Cao Hữu Đ, Lê Văn K phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang T từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Phước Thị Bích H từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Anh Q từ 7 (bảy) năm đến 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Cao Hữu Đ từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật ma túy hoàn trả sau giám định. Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại màu trắng của bị cáo Lê Văn T; 01 điện thoại màu trắng của Trần Anh Q. Truy thu của bị cáo Trần Anh Q số tiền 600.000 đồng là số tiền mà bị cáo Trần Phước Thị Bích H chuyển cho Q mua ma túy, tịch thu số tiền 21.600.000 đồng của bà Phan Thị Huyền T (là số tiền bà T tự nguyện nộp lại do không rõ nguồn gốc, không phải tiền bà T và bà cho rằng là tiền liên quan đến việc mua, bán ma túy), nộp ngân sách nhà nước. Tuyên trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho bị cáo Lê Văn T; 2.000.000 đồng cho bị cáo Trần Phước Thị Bích H nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tại phiên toà, người bào chữa của bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H là bà Dương Kim H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng có ý kiến tranh luận: Xét thấy quá trình điều tra các bị cáo T, H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, Luật sư Dương Kim H thống nhất về tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã áp dụng. Xét thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo T và H rất khó khăn, cả hai bị cáo cùng bị xét xử trong khi đang nuôi con nhỏ 36 tháng tuổi, nhà chỉ còn hai mẹ già gần 60 tuổi; do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo Lê Quang T và Trần Phước Thị Bích H.

Người bào chữa của bị cáo Trần Anh Q là bà Trần Thị Thảo U - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng có ý kiến tranh luận: Xét thấy quá trình điều tra bị cáo Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, Luật sư Dương Kim H thống nhất về tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã áp dụng. Tuy nhiên bị cáo Q tuổi còn trẻ, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Bên cạnh đó hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bố bị cáo không có việc làm, ông nội bị cáo là người có công với cách mạng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Q mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt.

Kiểm sát viên có ý kiến đối đáp tranh luận lại đối với người bào chữa: Người bào chữa thống nhất về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã áp dụng đối với các bị cáo. Do đó, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Việc người bào chữa xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và việc này đề nghị Hội đồng xét xử quyết định khi nghị án.

Các bị cáo T, H, Q, K và Đ thống nhất với nội dung cáo trạng, thừa nhận hành vi phạm tội mà mình đã gây ra, các bị cáo rất ăn năn hối lỗi, đồng thời mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh C, bà Ngô Thị Cẩm T, ông Phạm Văn H, bà Đào Thị Ngọc L và bà Phan Thị Huyền T đều vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng những người này đã được lấy lời khai và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 và Điều 299 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Cao Hữu Đ và Lê Văn K đã thống nhất khai nhận:

Vào khoảng 15 giờ ngày 27/06/2023, tại phòng 302 quán Karaoke Paradise, địa chỉ số 569 đường Nguyễn Tất Thành, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, các bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Lê Văn K và Cao Hữu Đ có hành vi bàn bạc, thống nhất góp tiền mua ma túy, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ và cùng nhau sử dụng trái phép 1,252 gam ma túy loại Ketamine thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện, kiểm tra và bắt quả tang.

Lời khai của các bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Cao Hữu Đ và Lê Văn K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ

quan điều tra, truy tố, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét khẩn cấp; lời khai của người làm chứng; vật chứng thu giữ; kết luận giám định...N như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Cao Hữu Đ và Lê Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*”.

N như vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê truy tố các bị cáo tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, ma túy là một trong những vấn nạn của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Do tác hại quá lớn của ma túy nên Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống ma túy cũng như quyết tâm loại trừ các tệ nạn về ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Cao Hữu Đ và Lê Văn K là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, biết rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì để thỏa mãn thú vui của bản thân nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý về các chất ma túy của nhà nước, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính tại địa phương, gây nguy hại đến sức khỏe con người, là nguồn gốc lây lan tệ nạn nghiện ma túy và các căn bệnh xã hội khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội mang tính đồng phạm có tổ chức, hành vi của các bị cáo có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ với nhau. Vì vậy việc áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo cần phải có sự phân hóa vai trò để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo. Trong vụ án này, xét vai trò của từng bị cáo thì thấy:

Bị cáo Lê Quang T đóng vai trò là người tổ chức, là người chủ mưu, cầm đầu và chỉ huy việc thực hiện tội phạm. T là người trước tiên nảy sinh ý định, rủ rê bị cáo H cùng tham gia sử dụng ma túy, sau khi H đồng ý, T tiếp tục gọi điện rủ Q, Đ và K tập trung để cùng nhau sử dụng ma túy. Sau đó, T là người sử dụng xe máy chở Q đến nhà H và nói Đ đặt xe grab để cùng cả nhóm đến quán Karaoke Paradise sử dụng ma túy, tổ chức bàn bạc thống nhất phân công Q mua ma túy, đưa tiền mệnh giá 10.000 đồng cho Q quán thành ống hút cho cả nhóm sử dụng

ma túy. Vì vậy, bị cáo T có vai trò thứ nhất, mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo Q, H, K và Đ.

Các bị cáo Trần Anh Q, Trần Phước Thị Bích H, Lê Văn K và Cao Hữu Đ là đồng phạm với vai trò vừa là người thực hành, vừa là người giúp sức; trong đó Q là người thực hành, giúp sức tích cực. Bị cáo Q là người đặt phòng 302 quán Karaoke Paradise cho cả nhóm có địa điểm sử dụng ma túy; thay mặt cả nhóm trực tiếp liên hệ với L để đặt mua ma túy, chuyển khoản tiền mua ma túy và cũng là người đi lấy ma túy, đổ ma túy Ky ra đĩa sứ, dùng thẻ nhựa chà mịn, kẻ thành nhiều đường; nhận tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng từ T để quán thành ông hút cho cả nhóm sử dụng ma túy. H có vai trò là người giúp sức thể hiện ở việc chuyển khoản tạm ứng số tiền 4.500.000đ cho Q để Q giao dịch mua ma túy của L; dùng điện thoại của Đ kết nối với loa để mở nhạc cho cả nhóm cùng nghe. Đối với các bị cáo K và Đ sau khi được T điện thoại rủ rê cùng sử dụng ma túy thì cả hai đều đồng ý và cùng cả nhóm đến quán Karaoke Paradise để sử dụng ma túy. Vì vậy, các bị cáo Q, H, K và Đ có vai trò thứ hai, trong đó mức hình phạt của bị cáo Q phải cao hơn các bị cáo H, K và Đ là tương xứng với hành vi phạm tội.

[5] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo T, H, Q, Đ và K đều đã thực sự thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Do đó, các bị cáo T, H, Q, Đ và K được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tình tiết hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn của bị cáo Lê Văn K theo Đơn xin giảm nhẹ tình tiết ngày 31/01/2024 của ông Lê Văn Dũng là cha của bị cáo K không có sự xác nhận của chính quyền địa phương theo đúng qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Bị cáo H và T là vợ chồng đang nuôi con nhỏ mới 36 tháng tuổi đang phải nhập viện điều trị bệnh (con sinh tháng 8/2021); bị cáo Q có ông nội là Trần Văn C có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Đ có ông cố Cao M là liệt sỹ, bà cố Lê Thị Q là mẹ Việt Nam anh hùng nên các bị cáo T, H, Q và Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đây là những tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần mức hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Lê Quang T là người có nhân thân xấu đã 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bị cáo Trần Phước Thị Bích H từng bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt về tội “*Không tố giác tội phạm*”. Các bị cáo Trần Anh Q, Lê Văn K và Cao

Hữu Đ ngoài lần phạm tội này thì trước đây chưa có tiền án, tiền sự; Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có tương lai rộng mở phía trước nhưng các bị cáo không lấy đó làm động lực để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, chăm chỉ lao động, làm ăn lương thiện để đóng góp phát triển xã hội mà chọn con đường nghiện hút ma túy dẫn đến có hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay, tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy tiếp tục diễn biến phức tạp, gây tác động xấu đến đời sống xã hội. Do đó, cần phải xét xử nghiêm, áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có cơ hội cai nghiện, cải tạo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, các bị cáo T và H là vợ chồng có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ mới 36 tháng tuổi đang nhập viện điều trị bệnh, T và H là lao động chính trong gia đình, hai bên nội, ngoại chỉ còn hai mẹ già gần 60 tuổi đang thay vợ chồng H chăm sóc cháu. Nhận thấy bị cáo H đã thật sự thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình vì vậy cần xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo H khi quyết định hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện quay về hòa nhập cộng đồng và chăm sóc con cái là phù hợp

Đồng thời, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Cao Hữu Đ, Lê Văn K chỉ có hành vi đồng ý với lời rủ rê của T và cùng đi đến địa điểm để sử dụng ma túy, trong suốt quá trình này, hai bị cáo không có hành vi chủ động, tích cực thúc đẩy hay chuẩn bị phương tiện, vật chất gì quan trọng cho việc thực hiện tội phạm. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận vai trò của các bị cáo Đ và K trong vụ án là không đáng kể. Xét thấy, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu với vai trò giúp sức nhưng không đáng kể, vì vậy cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo K và Đ khi quyết định hình phạt.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: hình phạt chính là nghiêm khắc và đủ sức răn đe các bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, H, Q, Đ và K về hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

[7] *Về biện pháp tư pháp*: Đối với số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) là tiền còn thừa lại từ việc H chuyển cho Q 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tiền mua ma túy và Q thanh toán 3.900.000đ tiền mua ma túy của L, hiện nay Q vẫn chưa trả lại cho H. Xét thấy, đây là số tiền mà Q đang giữ của H từ hành vi mua ma túy nên cần áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tiến hành truy thu 600.000đ từ bị cáo Q nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), khoản 2 và 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, xét thấy:

+ Đối với toàn bộ số mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 03 (ba) bì thư niêm phong ký hiệu “A”, “B”, “C” của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, bên trong bì thư niêm phong ký hiệu “A” chứa 0 (không) gam ma túy Ketamine, bên trong bì niêm phong ký hiệu “B” chứa 0,800 (không phải tám

trăm) gam ma túy Ketamine, bên trong bì niêm phong ký hiệu C chứa 0 (không) gam ma túy Ketamine hoàn trả sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao kèm theo các Kết luận giám định số 574/KL-KTHS ngày 05/7/2023, có đóng dấu đỏ giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng là vật nhà nước cấm lưu hành; 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa cứng chứa sim điện thoại màu xanh là dụng cụ dùng để sử dụng ma túy, các vật nêu trên đều không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy. Riêng đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 VND dùng làm ống hút được niêm phong trong bì thư ký hiệu C thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone màu trắng, số IMEI: 350408489688128 của Lê Quang T; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen, số IMEI: 353900103936476 của Trần Phước Thị Bích H; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu trắng, số IMEI: 353904103454670 của Trần Anh Q; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng, số imel: 356703854611026 của Cao Hữu Đ; 01 (một) điện thoại di động Oppo màu xanh, số imel: 866967042765134 của Lê Văn K; các thiết bị trên được các bị cáo T, Đ, K dùng để liên lạc rủ rê nhau sử dụng ma túy; H và Q dùng để liên hệ, chuyển tiền mua ma túy, vì vậy đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tiến hành tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) của Lê Quang T; 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) của Trần Phước Thị Bích H. Xét thấy trong vụ án này, số tiền dùng để mua ma túy đã được H chuyển khoản cho Q để thanh toán đầy đủ cho L nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định các số tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội, vì vậy cần tuyên trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho bị cáo Lê Quang T, 2.000.000 đồng cho bị cáo Trần Phước Thị Bích H nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo công tác thi hành án.

+ Đối với 01 (một) sim số 0937434843 của Lê Quang T, 01 (một) sim số 0935239343 của Trần Phước Thị Bích H, 01 (một) sim số 0787725715 của Trần Anh Q, 01 (một) sim số 0937417015 của Cao Hữu Đ, 01 (một) sim số 0917539744 của Lê Văn K là những số điện thoại dùng vào việc liên lạc mua và rủ rê nhau sử dụng ma túy do không còn giá trị sử dụng nên cần tiến hành tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng) của bà Phan Thị Huyền T. Bà T cho biết sau khi làm việc tại Cơ quan điều tra, bà T biết được L đã dùng tài khoản 0936125911 Ngân hàng MBbank của bà để nhận tiền mua ma túy của Q 04 lần (ngày 19/6/2023 một lần số tiền 10.500.000đ, ngày 23/6/2023 hai lần mỗi lần 3.600.000đ, ngày 27/6/2023 một lần số tiền 3.900.000đ). Bà T cho rằng đây là tiền Q mua ma túy của L nhưng chuyển vào tài khoản của bà T, không liên quan và không phải tiền của bà T. Nhận thấy, bà Phan Thị Huyền T đã tự nguyện giao nộp số tiền trên và đây là số tiền có liên quan đến hành vi mua, bán ma túy, không rõ nguồn gốc, xuất xứ nên cần tiến hành tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Vấn đề khác:

Đối với người thanh niên tên L bán ma túy và người giao ma túy cho Q, hiện không rõ lai lịch, địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê tiếp tục làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Qua thử test nước tiểu đối với các đối tượng Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Lê Văn K và Cao Hữu Đ đều dương tính với chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những các đối tượng này về hành vi: “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Đối với Phạm Văn H không đứng tên số thuê bao 0936125911, không cho ai mượn giấy tờ để đăng ký số thuê bao, không dùng số điện thoại 0936125911 để đăng ký tài khoản tại Ngân hàng MBbank và cũng không biết, không liên lạc với Trần Anh Q vào ngày 27/06/2023 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thanh Khê không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Ngô Thị Cẩm T là nhân viên và Phan Minh C là chủ quán karaoke Paradise đều không biết Lê Quang T cùng đồng bọn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 302. Hộ kinh doanh karaoke Paradise có hành vi vi phạm hành chính: “Người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật, người được giao quản lý hoạt động kinh doanh karaoke để xảy ra hoạt động tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do mình quản lý”. Công an quận Thanh Khê đã gửi Công văn và hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có cơ sở.

Đối với hành vi bị cáo Trần Anh Q cất giữ 600.000 đồng tiền thừa sau khi mua ma túy có dấu hiệu bỏ lọt hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật hình sự và sự việc số tiền 3.900.000 đồng mua ma túy được chuyển vào tài khoản 0936125911 thuộc Ngân hàng Mbbank của bà Phan Thị Huyền T đang quản lý, sử dụng có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 16/4/2024 và ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung về các hành vi trên. Quá trình điều tra, các bị cáo H và Q thống nhất lời khai xác định sau khi mua ma túy xong, Q có báo lại với H và cả nhóm về số tiền thừa 600.000 đồng và Q tạm giữ để sau khi sử dụng xong ma túy sẽ xử lý sau nên hành vi cất giữ số tiền 600.000 đồng của Q không đủ căn cứ cấu thành hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với bà Phan Thị Huyền T là chủ tài khoản 0936125911 thuộc Ngân hàng Mbbank. Ngày 27/6/2023, tài khoản 0936125911 của bà T có nhận chuyển khoản số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm ngàn đồng) từ tài khoản 9935678708 thuộc Ngân hàng Vietcombank của Trần Anh Q. Quá trình Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành điều tra bổ sung, làm rõ thì bà T khai nhận từng có quan hệ tình cảm với đối tượng tên L (quen biết qua mạng xã hội nên bà T không rõ nhân thân, lai lịch của L); vì tin tưởng nên bà T cho L mượn tài khoản 0936125911 thuộc Ngân hàng MBbank của bà để sử dụng. Bà T không biết L dùng tài khoản của bà để giao dịch mua, bán ma túy. Ngày 27/6/2023, bà T không biết có số tiền 3.900.000 đồng do Trần Anh Q chuyển vào tài khoản của bà. Bà T không quen biết Trần Anh Q và không sử dụng, bán hay giúp ai bán ma túy. Tiến hành kiểm tra điện thoại di động của bà T không phát hiện có nội dung gì liên quan đến vụ án; tiến hành thử test

nước tiểu, bà Phan Thị Huyền T âm tính với chất ma túy. Vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa có căn cứ để xác định Phan Thị Huyền T có phải là chủ mưu cầm đầu hay là đồng phạm của người tên L trong việc mua bán trái phép chất ma túy và cũng chưa có căn cứ để xác định bà T che giấu cho đối tượng tên L nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Lê Văn K và Cao Hữu Đ phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1 Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Lê Quang T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 27/6/2023).

1.2 Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Anh Q 07 (bảy) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 27/6/2023).

1.3 Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Phước Thị Bích H 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 27/6/2023).

1.4 Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn K 05 (năm) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 18/9/2023).

1.5 Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Hữu Đ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 18/9/2023).

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Truy thu của bị cáo Trần Anh Q số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 và 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: 03 (ba) bì thư niêm phong ký hiệu “A”, “B”, “C” của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, bên trong bì thư niêm phong ký hiệu “A” chứa 0 (không) gam ma túy Ketamine, bên trong bì niêm phong ký hiệu “B” chứa 0,800 (không phải tám trăm) gam ma túy Ketamine, bên trong bì niêm phong ký hiệu C chứa 0 (không) gam ma túy Ketamine, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa cứng chứa sim điện thoại màu xanh hoàn trả sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao kèm theo các Kết luận giám định số 574/KL-KTHS ngày 05/7/2023, có đóng dấu đỏ giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng. Riêng đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 VND dùng làm ống hút được niêm phong trong bì thư ký hiệu C thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) sim số 0937434843 của Lê Quang T, 01 (một) sim số 0935239343 của Trần Phước Thị Bích H, 01 (một) sim số 0787725715 của Trần Anh Q, 01 (một) sim số 0937417015 của Cao Hữu Đ, 01 (một) sim số 0917539744 của Lê Văn K.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone màu trắng, số IMEI: 350408489688128 của Lê Quang T; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen, số IMEI: 353900103936476 của Trần Phước Thị Bích H; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu trắng, số IMEI: 353904103454670 của Trần Anh Q; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng, số imel: 356703854611026 của Cao Hữu Đ; 01 (một) điện thoại di động Oppo màu xanh, số imel: 866967042765134 của Lê Văn K.

Trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho bị cáo Lê Quang T và số tiền 2.000.000 đồng cho bị cáo Trần Phước Thị Bích H nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng) của bà Phan Thị Huyền T tự nguyện giao nộp.

(Vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thanh Khê theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê và Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thanh Khê; các biên lai thu tiền số 0000926 ngày 04/3/2024, số 0000358 ngày 04/11/2024, số 0000406 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng).

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo Lê Quang T, Trần Phước Thị Bích H, Trần Anh Q, Cao Hữu Đ và Lê Văn K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Các bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/12/2024). Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê;

- Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA Đà Nẵng;
- Trại Tạm giam Công an tp. Đà Nẵng;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Trần Hoàng Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

